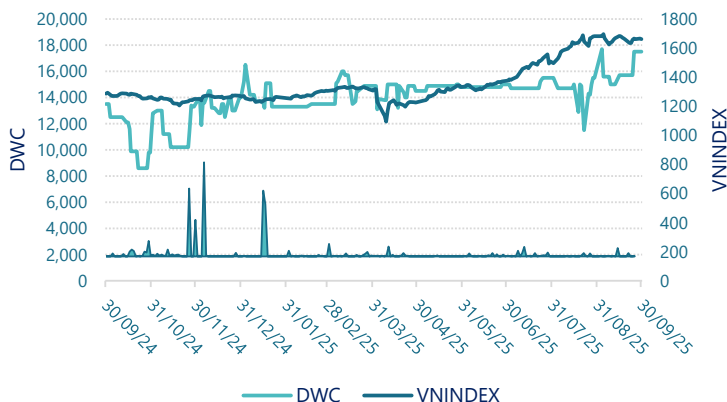




CTCP Cấp nước Đắk Lắk (UPCOM: DWC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
SL cổ phiếu LH	31,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	535
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	552
P/E	7.7
EPS	2,285

DT thuần

Q3/25

85.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.20 | -2.5%

YoY: ▲13.0 | 17.9%

LN sau thuế

Q3/25

24.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.40 | 1.5%

YoY: ▲6.90 | 39.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

38.2%

+/- YoY: ▲2.7%

DT thuần

9T 2025

252

tỷ VNĐ

YoY: ▲33.0 | 15.1%

LN sau thuế

9T 2025

58.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲22.8 | 64.2%

ROE

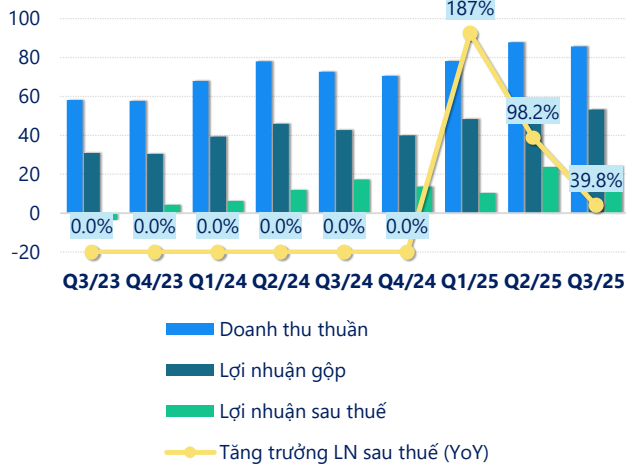
Q3/25

18.7%

+/- YoY: ▲6.5%

tỷ VNĐ

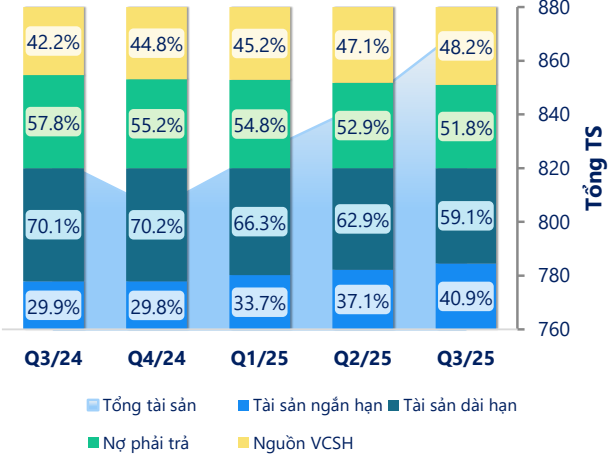
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

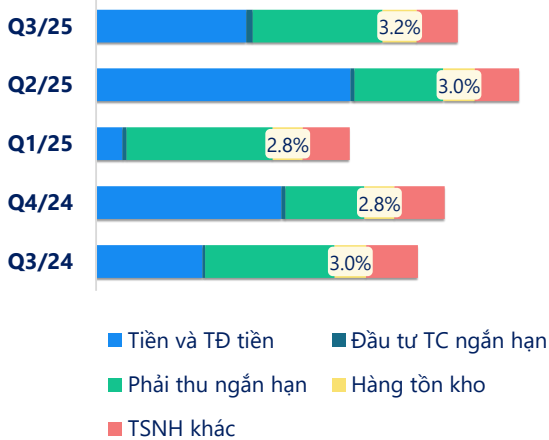
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



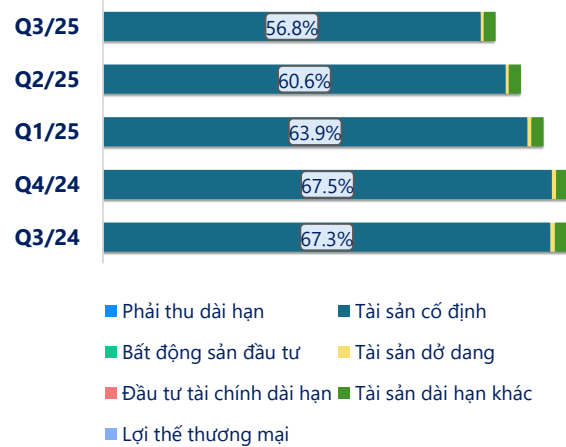
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

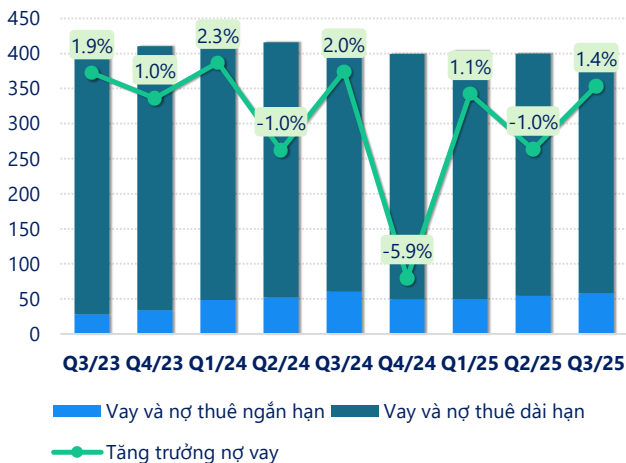
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

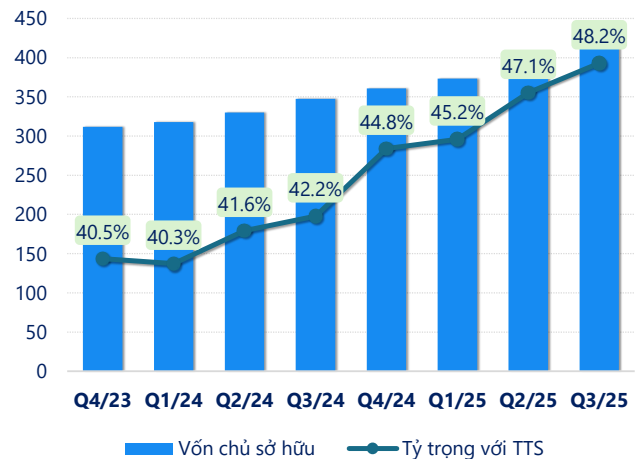
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

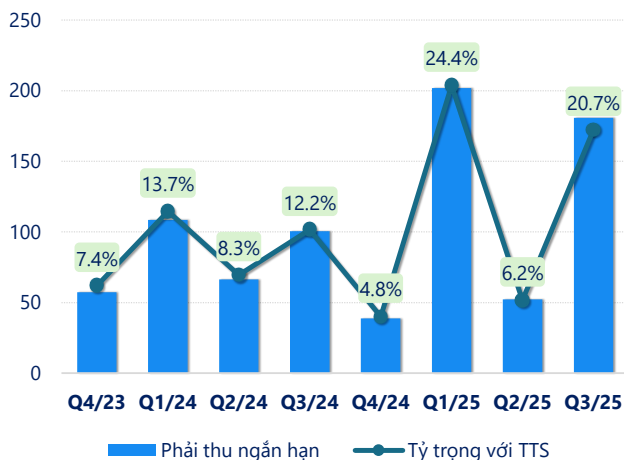
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



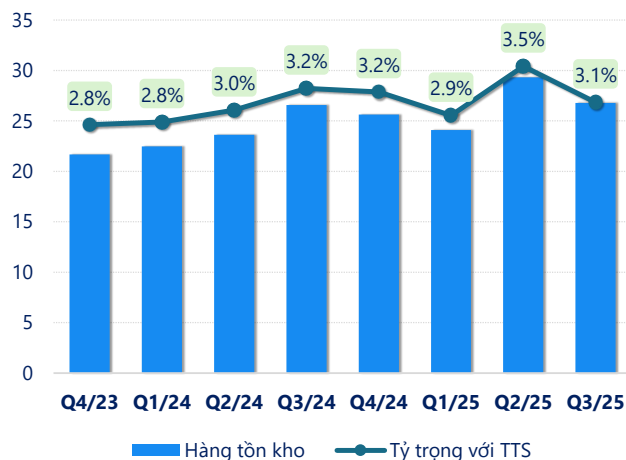
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


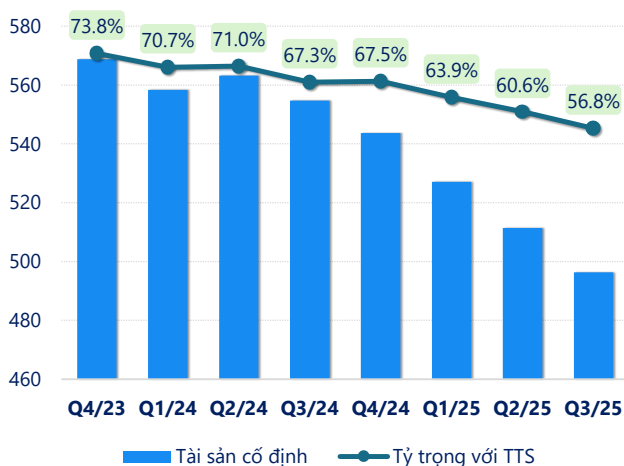
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


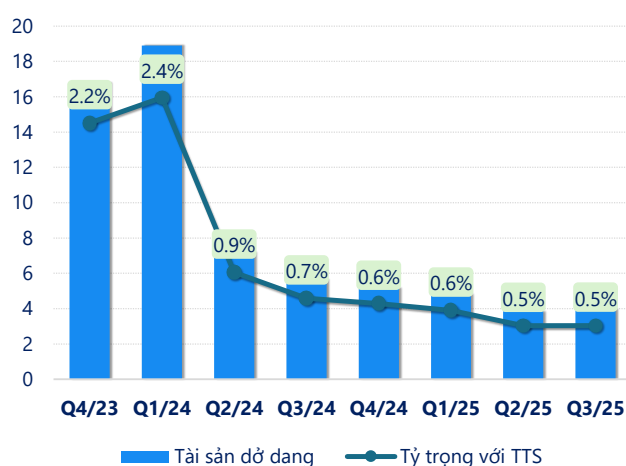
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

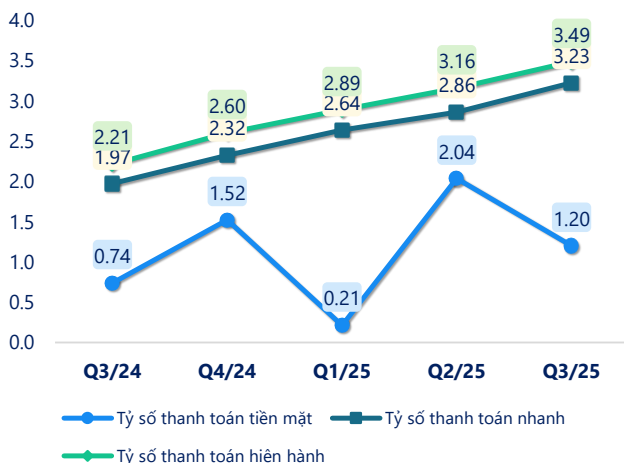
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

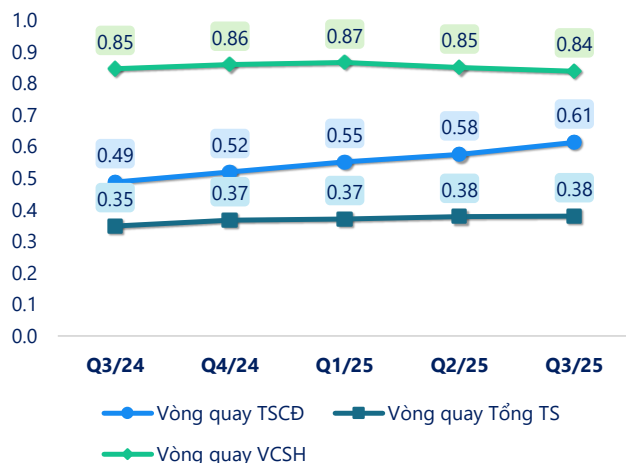
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	824	805	826	844	873
Tài sản ngắn hạn	246	240	278	313	357
Tiền và tương đương tiền	82.4	140	20.5	202	123
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	5.25	5.25	5.25	5.25
Phải thu ngắn hạn	100	38.7	202	52.2	181
Hàng tồn kho	26.6	25.6	24.1	29.3	26.8
Tài sản ngắn hạn khác	31.8	29.8	26.8	24.4	21.4
Tài sản dài hạn	578	565	547	531	516
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	555	544	527	511	496
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.67	5.17	4.83	3.84	3.99
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	17.3	16.5	15.2	15.5	15.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	477	444	452	447	452
Nợ ngắn hạn	111	92.0	96.4	99.1	102
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.5	49.0	49.7	54.3	58.2
Phải trả người bán ngắn hạn	9.04	7.01	4.49	7.13	1.70
Nợ dài hạn	365	352	356	348	350
Vay và nợ thuê dài hạn	364	350	354	346	347
Nguồn vốn chủ sở hữu	347	361	373	397	421
Vốn chủ sở hữu	347	361	373	397	421
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)